TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2025/HS-ST
Ngày: 28/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Giàu
Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nên – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 232/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1) Họ và tên: **Nguyễn Thị Minh L**, sinh năm: 1965; tại TP .

Nơi cư trú: 16/75/12, N, phường B, quận C, TP .; Chỗ ở hiện nay: tổ C, khu phố D, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không: Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1932 (đã chết); Từ năm 1987 đến năm 1991 sống chung như vợ chồng với ông Đỗ Văn M, sinh năm 1955 (Có 01 con sinh năm 1989); Từ năm 1993 đến năm 1995 sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (Có 01 con sinh năm 1995);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 185/2001/HSPT ngày 17/4/2001, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 (năm) năm tù về tội "Cướp tài sản công dân", 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 2 Điều 151; khoản 2 Điều 155; khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 1985. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội là 07 (bảy) năm tù. Ngày 28/4/2005, L chấp hành xong bản án.

Bị bắt: Ngày 29/5/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (Có mặt).

2) Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1987; tại Hải Phòng.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, TP .; Chỗ ở hiện nay: tổ C, khu phố D, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không: Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị N1, sinh năm 1968 (đã chết);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2013, bị Ủy ban nhân dân huyện T, TP . ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị bắt: Ngày 27/5/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (Có mặt).

3) Họ và tên: **Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1990; tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: tổ C, ấp A, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa: Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lê Thị T3, sinh năm 1969;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 22/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 40/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 (mười tám) tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 03/3/2023, T2 chấp hành thời hạn cai nghiện bắt buộc.

Nhân thân:

- Ngày 08/12/2010, bị Ủy ban nhân dân huyện V ra quyết định về việc chữa bệnh tập trung bắt buộc thời gian là 24 tháng do thuộc diện tái nghiện ma túy.

- Ngày 24/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 108/2015/HSST. Bị can chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/8/2016 và chấp hành xong phần án phí ngày 16/3/2016. Bị can chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự, các bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án. Hiện đã hết thời hiệu thi hành bản án.

Bị bắt: Ngày 08/4//2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (Có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Huy T4, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 1, khu phố C, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Minh L bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2017 cho đến năm 2022 thì dừng sử dụng. Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T là người nghiện chất ma túy.

Từ ngày 07/4/2024 đến ngày 27/5/2024, L đã rủ rê, lôi kéo Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T cùng với L thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cụ, thể sau:

1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Minh L và Nguyễn Văn T2.

Tháng 01/2024, L thuê nhà trọ tại tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để ở một mình. Đầu tháng 2/2024, L quen biết với T2, L rủ T2 đến ở cùng nhà trọ với L. L thỏa thuận với T2, T2 điều khiển xe mô tô chở L đi đến thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy và đem về nhà trọ do L thuê ở chia thành nhiều gói nhỏ để bán cho người khác kiếm lời, L trả công cho T2 bằng cách lo chi phí, ăn, ở, cung cấp ma túy cho T2 sử dụng không phải trả tiền, T2 đồng ý.

Khoảng 16 giờ ngày 07/4/2024, T2 điều khiển xe mô tô biển số 60B1 – 689.54 (xe do L cung cấp) chở L đi đến khu vực Bệnh viện C2, thuộc Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, L gặp một người đàn ông khoảng 45 tuổi (không rõ lai lịch) mua 01 (Một) gói ma túy loại Heroin và 01 (Một) gói ma tuý đá. Sau khi mua được ma túy, T2 chở L về lại nhà trọ (địa chỉ nêu trên) của L cất giấu. Sau đó, L lấy số ma túy vừa mua được chia thành nhiều gói nhỏ (đựng trọng đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu) để giao cho T2 đem bán cho người khác. L đã cho T2 01 gói ma túy Heroin, T2 sử dụng hết.

Đến khoảng 09 giờ 40 phút ngày 08/4/2024, L giao 15 (Mười lăm) gói ma túy loại Heroin và 14 (Mười bốn) gói ma túy đá để T2 đem bán cho người khác, rồi mang tiền về giao lại cho L, T2 đồng ý. Sau khi nhận số ma túy của L nêu trên, T2 cất giấu 01 gói ma túy Heroin trong túi quần bên trái phía trước T2 đang mặc; cất giấu 01 gói ma túy Heroin trong cốp xe mô tô biển số 60B1- 689.54 và cất giấu 13 gói ma túy H cùng 14 gói ma tuý hàng đá vào trong hộc bên trái bửng trước xe mô tô 60B1-689.54. Sau đó T2 điều khiển xe mô tô biển số 60B1-689.54 mang theo số ma tuý như trên đi đến trước số nhà G, khu phố A, phường H, thành phố B để tìm người bán ma túy nhưng chưa kịp bán thì bị Công an phường H, thành phố B phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

2. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Minh L và Nguyễn Văn T.

Sau khi L giao ma túy cho Nguyễn Văn T2 đi bán cho người khác thì bị Công an phường H phát hiện bắt giữ như đã nêu trên. Cuối tháng 4/2024, L gặp quen biết với Nguyễn Văn T. L biết T là người sử dụng trái phép chất ma túy, sống lang thang, không có nghề nghiệp nên L rủ T đến nhà trọ ở cùng với L. L thỏa thuận với T, T điều khiển xe mô tô (do L cung cấp) chở L đi đến thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy bán cho người khác kiếm lời, L trả công cho T bằng cách lo chi phí, ăn, ở, cung cấp ma túy cho T sử dụng không phải trả tiền, T đồng ý.

Trong thời gian từ ngày 10/5/2024 đến ngày 27/5/2024, T đã 03 lần điều khiển xe mô tô biển số 93N4-2646 (xe của L mua lại) chở L đến thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa điểm cụ thể, gần Bệnh viện) mua ma túy. Cả 03 lần đi mua ma túy, L đều trực tiếp gặp trao đổi mua, bán và trả tiền cho người bán ma túy (T không rõ số tiền, số lượng, khối lượng ma túy mua bán). Sau khi mua được ma túy, T chở L về lại nhà trọ của L. Tại đây, L và T chia ma túy thành nhiều gói khác nhau (đựng trong đoạn ống nhựa, gói nilon). Sau đó L giao lại cho T đem bán cho người khác rồi mang tiền về giao lại cho L.

Cách thức: Khi cần mua ma túy, người nghiện điện thoại cho T theo số thuê bao 0928621405 và số 0588.134380, sau đó T hẹn thời gian, địa điểm giao ma túy và nhận tiền. Hành vi phạm tội cụ thể như sau:

- Vào các ngày 24, 25 và 26/5/2024, tại khu vực chợ N3 ba Thanh Hóa thuộc khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, L đã giao ma túy cho T bán cho Phạm Huy T4 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (một) gói ma túy, với giá từ 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đến 150.000đ (Một trăm năm mười nghìn đồng)/gói. Sau khi bán ma túy cho T4 được tổng số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), T đã giao hết số tiền trên cho L.

- Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/5/2024, L nhờ T điều khiển xe mô tô chở L đến nhà của Phạm Cao C1 để nhờ C1 chở L đi công việc. Khi T chở L đến nhà của C1, C1 biết T, L bán trái phép chất ma túy nên hỏi mua ma túy T, L đồng ý. Tại đây, T và L đã bán cho C1 01 (Một) gói ma túy Heroin, giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). C1 sử dụng hết số ma túy trên ngay tại nhà của C1. Sau đó, L ở lại nhà của C1 còn T cầm tiền bán ma túy cho C1 đi về nhà trọ của L. Sau khi C1 sử dụng ma túy xong thì L nhờ C1 điều khiển xe mô tô chở L đi công việc tại khu vực ngã ba T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, trên đường C chở L về đến trước nhà của C1, L điện thoại cho T yêu cầu mang 01 gói ma túy Heroin đến trước nhà của C1. Sau đó, T mang 01 gói ma túy Heroin đến giao cho L, L cầm gói ma túy giao cho C1 để trả công. C1 nhận gói ma túy của L rồi cất giấu vào trong túi quần bên trái C1 đang mặc mục đích để C1 sử dụng. Sau đó, T đi về nhà trọ của L trước.

Đến khoảng 20 giờ ngày 27/5/2024, Công an phường T, thành phố B kiểm tra hành chính nơi ở của L, T. Lúc này T vừa đi từ nhà L ra đến cổng. Cùng thời điểm này thì C1 điều khiển xe mô tô biển số 60C2-040.44 chở L cũng về đến nhà. Qua kiểm tra, Công an phường phát hiện thu giữ 01 gói ma túy trên người của L, thu giữ 01 gói ma túy trong túi quần bên trái C1 đang mặc (L vừa trả công) và phát hiện thu giữ nơi ở của L, T cất giấu tổng cộng 08 gói ma túy (Heroin và ma túy đá), T, C1 khai là ma túy. Trong lúc lực lượng Công an đang kiểm tra tại nhà trọ của L thì T4 tiếp tục đến nhà của L để mua ma túy thì bị Công an mời về trụ sở làm việc. Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý. Cùng ngày, Nguyễn Thị Minh L bị bắt khẩn cấp.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đối với Nguyễn Thị Minh L, quá trình điều tra thừa nhận có quen biết với Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T. Vào tháng 2/2024, L cho T2 ở cùng nhà trọ với L, L bỏ tiền lo chi phí sinh hoạt, ăn uống T2 không phải trả tiền, ngoài ra không có mục đích nào khác. Sau khi biết T2 bị bắt thì L rủ T về sống chung nhà trọ với L. L lo chỗ ở, chi phí ăn uống cho T không phải trả tiền. L khai trong thời gian sống cùng T, L mới nảy sinh ý định bán trái phép chất ma túy nhưng chưa thực hiện. L không thừa nhận rủ rê và cùng với T2, T mua bán ma túy. L không thừa nhận gói ma túy Cơ quan Công an thu giữ trên người của Phạm Cao C1 ngày 27/5/2024 là của L đưa cho C1 để trả công C1 đã chở L đi công việc. L khai gói nilon được hàn kín bên trong có chất màu trắng thu trên người L là thuốc sâu răng do T đưa cho L để điều trị sâu răng, không biết đó là ma túy; không thừa nhận số ma túy Công an thu giữ trong buồng ngủ của L và các vị trí khác trong nhà của L là của L và T cất giấu. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ có đủ căn cứ xác định hành vi Nguyễn Thị Minh L như đã nêu trên. Việc L khai không rủ rê T2 và T mua bán trái phép chất ma túy là thể hiện thái độ tránh né và chối tội nên bác bỏ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T còn khai, ngoài bán ma túy cho T4, C1 như đã nêu trên, trong thời gian từ ngày 10/5/2024 cho đến ngày bị bắt, L nhiều lần giao ma túy cho T đem bán cho nhiều người khác (không rõ số lần cụ thể và lai lịch người mua), sau đó mang tiền về giao cho L. Riêng ngày 27/5/2024, ngoài việc đã bán ma túy cho C1 như đã nêu trên, L đã giao cho T tổng cộng 21 gói ma túy (bao gồm cả Heroin và ma túy đá) để bán cho người khác. T đã bán cho 09 người khác gồm: Tên N2, T5, T6, người thanh niên thường gọi "Dưa Hấu", K, T7, T5 (T) và 02 thanh niên khác (không rõ lai lịch) cùng địa điểm ngã ba Thanh Hóa, phường T, mỗi lần bán từ 01 đến 02 gói ma túy, với giá từ 50.000đ đến 100.000đ/gói, thu được số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền T bán trái phép chất ma túy ngày 27/5/2024 là 1.5000.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) (trong đó có 100.000đ bán ma túy cho Chương ngày 27/5/2024) và đã giao cho L. Kết quả điều tra không xác định được nhân thân lai lịch những đối tượng đã mua ma túy của T. Kết quả điều tra chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự các lần này nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

* Vật chứng, tài sản thu giữ của Nguyễn Văn T2:

- 01 (Một) đoạn ống nhựa (Gói) bên trong chứa chất bột màu trắng được thu giữ trong túi quần bên trái, phía trước T2 đang mặc.

- 01 (Một) đoạn ống nhựa (Gói) bên trong chứa chất bột màu trắng được thu giữ trong trong cốp xe mô tô 60B1-689.54 do T2 điều khiển.

- 13 (Mười ba) đoạn ống nhựa (Gói) bên trong chứa chất bột màu trắng và 14 (mười bốn) gói nilon hàn kín bên trong chứa chất màu trắng được thu giữ trong trong hộc bên trái bửng trước xe mô tô 60B1-689.54 do T2 điều khiển.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia số imei: 354493095367024, 01 điện thoại di động không nhãn hiệu màu tím số imei: 355269132324098 và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là tài sản của T2 không liên quan đến việc phạm tội.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60B1-689.54 Trung sử dụng đi mua bán ma tuý. T2 khai xe mô tô trên là của L giao cho T2 sử dụng đi mua bán trái phép chất ma túy. L khai năm 2024, L mua xe mô tô này tại tiệm C3 (Đối diện nhà thờ B2) phường H, thành phố B, khi mua xe không làm thủ tục sang tên. Sau đó L cho T2 mượn sử dụng, không biết T2 sử dụng đi bán trái phép chất ma túy. Kết quả tra cứu biển số xe mô tô trên do Nguyễn Đình M1 (ngụ tại 8, khu phố A, phường T, thành phố B) đứng tên đăng ký. Qua xác minh tại địa chỉ nêu trên không có người tên Nguyễn Đình M1 cư trú tại địa chỉ nêu trên. Hiện chưa làm việc được với người liên quan để làm rõ chủ sở hữu xe mô tô trên nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

* Vật chứng, tài sản thu giữ của Nguyễn Thị Minh L:

- 01 gói nilon được hàn kín bên trong có chất màu trắng (Ký hiệu M2) được đựng trong 01 hộp kim loại màu vàng được thu giữ trên người của Nguyễn Thị Minh L

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A05, màu đen, số imei 1: 354035903204574, số imei 2: 354978663204575, số thuê bao 1: 0908.673.870, số thuê bao 2: 0903.661.284, L khai không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy.

* Vật chứng, tài sản thu giữ của Nguyễn Văn T:

- 01 (Một) đoạn ống nhựa màu trắng (gói) (Ký hiệu M3) hàn kín hai đầu bên trong có chất màu trắng được thu giữ ở túi ngực thú nhồi bông hình Đoremon màu xanh trắng trong phòng ngủ (nơi L và T ngủ).

- 05 (Năm) gói nilon bên trong có chất màu trắng (Ký hiệu M4) được thu giữ ở kệ để giày dép ở chân cầu thang nhà của L thuê.

- 02 (Hai) gói nilon chứa chất màu trắng (Ký hiệu M5) được thu giữ trong rổ nhựa để trên nắp thùng xốp trong bếp nhà của L thuê.

T khai toàn bộ số ma túy nêu trên là ma túy đá L đưa cho T cất giấu để sử dụng và bán cho người khác.

- 01 điện thoại di động hiệu ITel, số imei 355149118693007, số thuê bao 1: 0928.621.405, số thuê bao 2: 0588.134.380 của L giao cho T làm phương tiện liên lạc bán trái phép chất ma túy. L khai điện thoại trên L cho T mượn sử dụng, không có mục đích làm phương tiện liên lạc bán trái phép chất ma túy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, số imei: 35384108 5025906, số sêri: C6KSN7LLHG7K, số thuê bao: 0981.922.566, T, L khai của L đưa cho T mượn sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 xe mô tô Sirius màu đỏ-đen biển số 93N4-2646, số máy: 5C64349919, số khung: RLCSC640AY349918. T khai xe mô tô trên là của L giao cho T sử dụng chở L đi mua ma túy và làm phương tiện đi bán trái phép chất ma túy. L khai, L mua xe mô tô biển số 93N4-2646 nêu trên từ tháng 5/2024 của người thanh niên (không rõ lai lịch), xe không có giấy đăng ký xe. Kết quả xác minh, xe mô tô biển số 93N4-2646 nêu trên do ông Đặng Văn T8 (sinh năm 1965, cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước) đứng tên chủ sở hữu. Ông T8 khai, ông T8 có mua 01 xe Sirius nêu trên. Đến tháng 10/2018, ông T8 đã bán chiếc xe trên cho người đàn ông (hiện không rõ lai lịch),

không làm thủ tục sang tên. Do chưa rõ nguồn gốc xe mô tô trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra xử lý sau.

* Vật chứng, tài sản thu giữ của Phạm Cao C1:

- 01 (Một) đoạn ống nhựa (Gói) màu trắng hàn kín hai đầu bên trong có chất màu trắng thu giữ trong túi quần bên trái Chương đang mặc. C1 khai là ma túy Heroin của L đưa cho C1 sử dụng, mục đích L trả công C1 chở L đi công việc (Ký hiệu M1).

- 01 xe mô tô biển số 60C2-040.44, là tài sản của bà Phạm Thị B1 (mẹ C1) cho C1 mượn sử dụng. Cơ quan điều tra đã giao trả xe mô tô trên cho bà Phạm Thị B1.

* Vật chứng thu giữ của Phạm Huy T4:

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, số imei 1: 86836005871080, số imei 2: 868360058761098 của Phạm Huy T4 sử dụng liên lạc với T mua trái phép chất ma túy.

* Tại Kết luận giám định số 723/PC09-GĐMT ngày 16/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đã kết luận (Thu giữ của Nguyễn Văn T2):

- Mẫu chất bột màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma tuý, có khối lượng 0,060 gam, loại Heroin.

- Mẫu chất bột màu trắng được niêm phong (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 0,045 gam, loại Heroin.

- Mẫu chất bột màu trắng (Ký hiệu M31) được niêm phong gửi đến giám định là ma tuý, có khối lượng 0,633 gam, loại Heroin.

- Mẫu chất màu trắng được thu giữ (Kí hiệu M32) được niêm phong gửi đến giám định là ma tuý, có khối lượng 0,269 gam, loại Methamphetamine.

* Tại Kết luận giám định số 1129/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đã kết luận:

"- Mẫu chất màu trắng (mẫu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0415gam, loại: Methamphetamine và H (Heroine) (Thu giữ trên người Phạm Cao C1).

- Mẫu chất màu trắng (mẫu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0193gam, loại: Methamphetamine (Thu giữ trên người của Nguyễn Thị Minh L).

- Mẫu chất màu trắng (mẫu M3) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0239gam, loại: Heroin (Heroine) (Thu giữ tại túi ngực thú nhồi bông trong phòng ngủ của L).

- Mẫu chất màu trắng (mẫu M4) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0742gam, loại: Methamphetamine (Thu giữ tại kệ để giày dép chân cầu thang nhà của L).

- Mẫu chất màu trắng (mẫu M5) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0369gam, loại: Methamphetamine và H (Heroine) (Thu giữ tại rổ nhựa để trên thùng xốp trong bếp nhà L).

Toàn bộ đối tượng còn lại sau giám định: Không hoàn lại mẫu vật, tất cả các mẫu đã sử dụng hết trong công tác giám định"

Tại bản cáo trạng số 727/CT-VKSBH ngày 24/11/2023 của Viện kiểm Sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị Minh L và Nguyễn Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo L và T); khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T2; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Minh L mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

+ Bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

+ Bị cáo Nguyễn Văn T2 mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đồng thời tuyên về xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh L không thừa nhận hành vi phạm tội như kết luận của Cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Minh L, Nguyễn Văn T và Nguyyễn Văn T9 đều đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa đã truy tố.

Từ đầu tháng 4/2024 đến ngày 27/5/2024, bị cáo Nguyễn Thị Minh L đã có hành vi cung cấp chỗ ở, ăn uống và cho ma túy để sử dụng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cùng với L cụ thể như sau:

- Ngày 08/4/2024, tại trước số nhà G, khu phố A, phường H đã 01 lần giao 0,738 gam ma túy, loại Heroin và 0,269 gam ma tuý, loại Methamphetamine cho Nguyễn Văn T2 đem bán cho người khác nhưng T2 chưa kịp bán thì bị Công an phường H phát hiện bắt quả tang.

- Vào các ngày 24, 25, 26 và 27/5/2024, tại khu vực chợ N3 ba Thanh Hóa thuộc khu phố D, phường T và tại nhà của Phạm Cao C1, khu phố B, phường T, thành phố B, L vừa trực tiếp và giao ma túy cho T đem bán cho Phạm

Huy T4 và Phạm Cao C1 tổng cộng 04 (Bốn) lần. Trong đó, có 03 (ba) lần, mỗi lần bán 01 (một) gói ma túy cho T4 với giá từ 100.000đ)/gói đến 150.000đ/gói; 01 lần bán 01 gói ma túy heroin cho C1 với giá 100.000đ. Ngoài ra 01 lần L cho C1 01 gói ma túy để trả công C1 điều khiển xe mô tô chở L đi công việc.

Khi bị phát hiện, thu giữ 0,738 gam ma túy loại Heroin và 0,269 gam ma tuý loại Methamphetamine của L và T2 cất giấu mục đích để bán và 0,1543 gam ma túy loại Methamphetamine và Heroin của L và T cất giấu mục đích để bán nhưng chưa kịp bán bị Công an thu giữ. Ngoài ra còn thu giữ 0,0415 gam ma túy, loại Methamphetamine và H trên người của C1 cất giấu mục đích để sử dụng (do L cho C1 lý do nêu trên).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Minh L và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố và viện dẫn.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy; bản thân các bị cáo cũng là đối tượng nghiện ma túy (H và Methamphetamine) nên để thỏa mãn cơn nghiện các bị cáo đã có hành vi mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các con nghiện nhằm thu lợi bất chính thì bị bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân gây ra nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Qua đó, thể hiện các bị cáo là đối tượng liều lĩnh, có thái độ xem thường pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo là rất kém. Do vậy, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo: Xét thấy đây là vụ án mang tính chất đồng phạm, bị cáo Nguyễn Thị Minh L là người thực hiện hành vi tích cực khi sử dụng nhà của mình làm địa điểm, chủ động rủ rê các bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T cùng đi mua ma túy về phân nhỏ lẻ từng tép, cung cấp xe mô tô, điện thoại rồi chỉ đạo giao cho T2, T 05 lần đem ma túy bán cho các đối tượng nghiện nhằm thu lợi bất chính; trong đó, giao ma túy cho T2 đem bán 01 lần; giao ma túy cho T đem bán 04 lần, L trực tiếp giao ma túy cho C1 01 lần. Nguyễn Văn T2 là người cùng với L đi mua ma túy và 01 lần bán trái phép chất ma túy. Nguyễn Văn T là người cùng với L đi mua ma túy và 04 lần bán trái phép chất ma túy.

Ngoài ra bản thân các bị cáo L, T và T2 còn có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt tù và bị đưa vào cở sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Do đó; với tính chất mức độ hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét vai trò của các bị cáo khi quyết định mức hình phạt,

quy định của pháp luật về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm được quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L, T và T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo L hiện đã lớn tuổi, đang có bệnh nền huyết áp cao được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo.

Đối với đối tượng (chưa rõ lai lịch) đã bán ma túy cho Nguyễn Thị Minh L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với Phạm Cao C1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, có khối lượng: 0,0415gam, loại: Methamphetamine và H, C1 chưa bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, không có tiền án về các tội quy định tại Điều 248, 249, 250, 251 và 252 Bộ luật hình sự, khối lượng ma túy không cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ủy ban nhân dân phường T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Phạm Huy T4 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ủy ban nhân dân phường T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T4 về hành vi sử dụng trái phép chất ma.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói niêm phong số 723 ngày 16/4/2024 và 01 gói niêm phong số 1129 ngày 04/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ.

+ 01 hộp kim loại.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu ITel, số imei 355149118693007 của bị cáo Nguyễn Thị Minh L giao cho bị cáo Nguyễn Văn T dùng vào việc phạm tội.

- Tuyên trả:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia số imel: 354493095367024 và 01 điện thoại di động không nhãn hiệu màu tím số imei: 355269132324098 cho bị cáo Nguyễn Văn T2 do không liên quan đến vụ án.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, số imei: 35384108 5025906 và 01 điện thoại di động 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A05, màu đen, số imei: 354035903204574 cho bị cáo Nguyễn Thị Minh L do không liên quan đến vụ án.

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, số imei: 868360058761098 cho Phạm Huy T4 do không liên quan đến vụ án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn T2 để đảm bảo thi hành án (theo giấy nộp tiền vào ngày 15/4/2025 tại Ngân hàng TMCP Đ).

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251 (đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh L, Nguyễn Văn T); khoản 1 Điều 251 (đối với bị cáo Nguyễn Văn T2); điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L); Điều 17; Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106; Điều 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Minh L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Thị Minh L** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2024.

+ Bị cáo **Nguyễn Văn T** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2024.

+ Bị cáo **Nguyễn Văn T2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói niêm phong số 723 ngày 16/4/2024 và 01 gói niêm phong số 1129 ngày 04/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ.

+ 01 hộp kim loại.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu ITel, số imei 355149118693007 của bị cáo Nguyễn Thị Minh L giao cho bị cáo Nguyễn Văn T dùng vào việc phạm tội.

- Tuyên trả:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia số imel: 354493095367024 và 01 điện thoại di động không nhãn hiệu màu tím số imei: 355269132324098 cho bị cáo Nguyễn Văn T2 do không liên quan đến vụ án.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, số imei: 35384108 5025906 và 01 điện thoại di động 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A05, màu đen, số imei: 354035903204574 cho bị cáo Nguyễn Thị Minh L do không liên quan đến vụ án.

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, số imei: 868360058761098 cho Phạm Huy T4 do không liên quan đến vụ án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn T2 để đảm bảo thi hành án (theo giấy nộp tiền vào ngày 15/4/2025 tại Ngân hàng TMCP Đ).

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Minh L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ (4);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Phước Tiến